

Số: /BC-CLM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN
NĂM 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100100304
- Vốn điều lệ: 110.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm mười tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 47 Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Số điện thoại: 04 39424634
- Số fax: 04 39422350
- Website: www.coalimex.vn

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ Công ty được thành lập từ ngày 01/01/1982 trên cơ sở chuyên Công ty Vật tư trực thuộc Bộ Điện Than thành Công ty Xuất Nhập khẩu Than và Cung ứng Vật tư “Coalimex” (trực thuộc Bộ Mỏ và Than, sau đó trực thuộc Bộ Năng lượng),

+ Sau khi Tổng Công ty Than được thành lập ngày 10/10/1994 và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1995. Ngày 01/4/1995, Bộ Năng lượng ra quyết định số 137NL/TCCB chuyển Công ty Xuất nhập khẩu Than và Cung ứng vật tư – Coalimex về trực thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam; Ngày 25/12/1996 đổi tên là Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế “Coalimex”.

+ Ngày 01/12/2004 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 149/QĐ-BCN chuyển Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) nay là *Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)*, trong đó: vốn điều lệ của Công ty là 20 tỷ đồng, Nhà nước (Tổng công ty Than Việt Nam nay là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam) chiếm 59% giữ cổ phần chi phối.

+ Ngày 14/01/2005 Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam, thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty, thông qua phương án kinh doanh của Công ty cổ phần;

+ Ngày 25/01/2005 Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty số 0103006588;

+ Ngày 22/12/2006 tại Quyết định số 245/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V- Coalimex);

+ Ngày 17/9/2010 tại Quyết định số 141/QĐ-CLM Đại hội đồng cổ đông đã đổi tên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (V-Coalimex) thành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex).

+ Ngày 06/11/2008 tại Giấy chứng nhận số 350/UBCK- GCN Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Công ty;

+ Ngày 26/12/2008 Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 lên 48.275.600.000 đồng; Theo đó tỷ lệ vốn của Nhà nước (Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) tại Công ty thay đổi từ 59% thành 55% vốn điều lệ.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã quyết định tăng vốn điều lệ lên thành 110 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

+ Ngày 19/01/2016 tại Quyết định số 31/QĐ-SGDHN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

+ Ngày 02/7/2009 Chủ tịch nước ký quyết định tặng Huân chương lao động hạng Nhất cho Công ty (Quyết định số 2408/QĐ-CTN).

+ Ngày 26/9/2014 Chủ tịch nước ký quyết định tặng Huân chương độc lập hạng III cho Công ty (Quyết định số 165/QĐ-CTN).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a, Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp và ủy thác: than mỏ, các sản phẩm chế biến từ than; thiết bị, phương tiện vận tải, xe máy, phụ tùng, vật tư các loại; khoáng sản, kim khí, nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất; hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng; đồ uống, rượu, bia các loại; thuốc lá lá và nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến; thiết bị viễn thông, điện tử; hàng điện máy, điện lạnh;

- Hoạt động xuất khẩu lao động, tư vấn du học nước ngoài;

- Dịch vụ cho thuê thiết bị, máy móc và ký gửi hàng hóa;

- Kinh doanh địa ốc và văn phòng cho thuê;

- Dịch vụ vận tải hàng hóa;

- Đào tạo, giáo dục, định hướng cho người lao động Việt Nam đi lao động có thời hạn ở nước ngoài;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu cát đã qua chế biến;

- Sản xuất, chế biến than mỏ và các khoáng sản khác;

- San lấp mặt bằng;

- Kinh doanh cảng, kho bãi;

- Kinh doanh các mặt hàng nông sản;

- Kinh doanh các mặt hàng thực phẩm tươi sống, đông lạnh, thủy hải sản;

- Kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao.

- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

b, Địa bàn kinh doanh: Trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

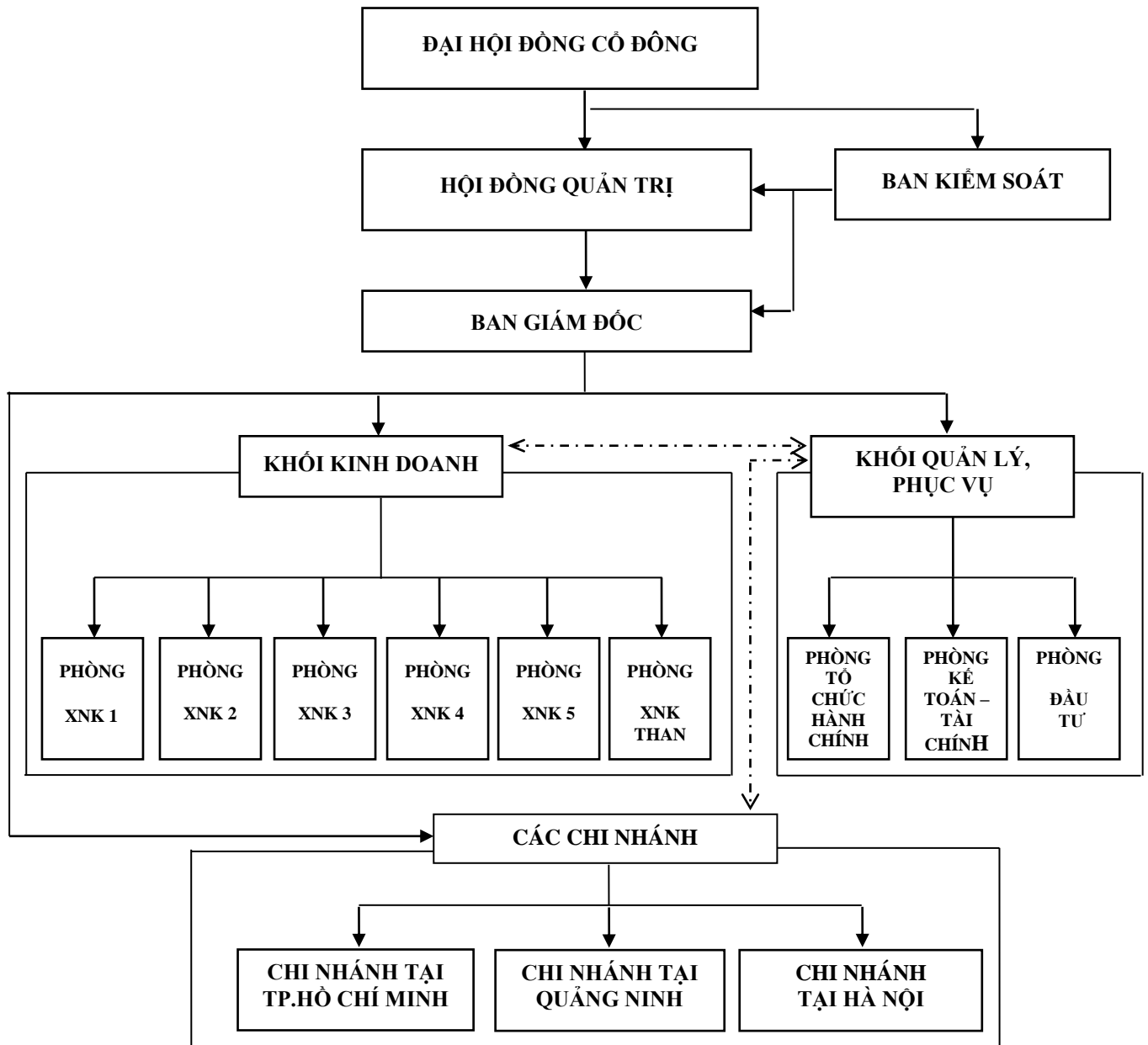
a, Mô hình quản trị:

- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, gồm: 01 Chủ tịch và 04 ủy viên

- Ban kiểm soát: 03 thành viên, gồm: 01 Trưởng ban và 02 ủy viên

b, Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY COALIMEX



c, Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển:

- Định hướng của Công ty đảm bảo an toàn, đổi mới nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả;
- Phát triển công ty lớn mạnh cả về quy mô và chất lượng;
- Kinh doanh đa ngành nghề;
- Không ngừng tăng vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;

5. Các rủi ro:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và

chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty

- Đối với rủi ro thị trường: Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất: Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ: Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu: Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

- Đối với rủi ro về tín dụng: Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Đối với rủi ro thanh khoản: Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2015

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng than xuất khẩu	Tấn	250.000	273.207	109
	Sản lượng than nhập khẩu	Tấn	48.052	108.133	225
2	Tổng kim ngạch XNK	USD	69.276.000	68.794.878	99
3	Tổng doanh thu	Tr. VND	992.572	1.429.185	144
4	Giá trị sản xuất	Tr. VND	60.900	73.010	120
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. VND	15.000	15.598	104
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng/tháng	7.848	9.287	118
7	Tỷ lệ cổ tức	%	10	(dự kiến) 10	100%

2. Tổ chức và nhân sự

a, Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Phạm Hồng Khanh	254.125	2,31
2	Nguyễn Thanh Hải	37.040	0,34
3	Phạm Minh	33.968	0,31
4	Lê Thị Thu Trang	76.608	0,70

b, Lý lịch trích ngang

- Ông Phạm Hồng Khanh - Ủy viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

1. Họ và tên: **PHẠM HỒNG KHANH**

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 15/01/1962

4. Nơi sinh: Xuân Canh - Đông Anh – Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 29 ngõ 125, Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội

7. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư ngành cơ khí đốt trong; Kỹ sư ngành khai thác lộ thiên

8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc - Ủy viên HĐQT

9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/1985 - 08/1986	Xí nghiệp vật tư, vận tải và chế biến than	Kỹ sư, cán bộ kỹ thuật
09/1986 - 09/1989	Ban kỹ thuật E281 - F369 - Quân chủng phòng không	Trợ lý kỹ thuật - Trạm trưởng trạm kỹ thuật
10/1989 - 09/1995	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Phó phòng - Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Phó giám đốc
10/1995 - 11/2002	Xí nghiệp vật tư vận tải và chế biến than	Giám đốc
12/2002 - 11/2005	Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa	Giám đốc
12/2005 - 09/2006	Đại học Ngoại ngữ	Sinh viên
10/2006 - 05/2007	Trung tâm XNK và Hợp tác đầu tư - Công ty Than Nội địa	Giám đốc
05/2007 - 07/2007	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	Giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị
08/2007 - 03/2010	Công ty CP XNK Than - TKV (Coalimex)	Giám đốc - Ủy viên HĐQT
03/2010 - 04/2015	Công ty CP XNK Than - Vinacomin (Coalimex)	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc
04/2015 đến nay	Công ty CP XNK Than - Vinacomin (Coalimex)	Giám đốc - Ủy viên HĐQT

- Ông Nguyễn Thanh Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị - Phó giám đốc Công ty

1. Họ và tên: **NGUYỄN THANH HẢI**
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/01/1971
4. Nơi sinh: Tứ Kỳ - Hải Dương
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 17 ngõ 46, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
7. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tuyển khoáng; Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc - Ủy viên HĐQT
9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/1993 – 3/1995	Trung tâm KCS - Công ty Than Cẩm Phả - Quảng Ninh	Kỹ sư
4/1995 – 8/1996	Công ty Hóa Chất Mỏ	Kỹ sư
9/1996 – 8/2003	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên, Phó trưởng phòng XNK
9/2003 - 5/2007	Phòng XNK Than – Công ty Coalimex	Trưởng phòng
6/2007 – 9/2012	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc
10/2012 đến nay	Công ty CP XNK Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc - Ủy viên Hội đồng quản trị

- Ông Phạm Minh – Phó giám đốc Công ty:

- Họ và tên: **PHẠM MINH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/06/1977
- Nơi sinh: Uông Bí - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 31, Tổ 26, Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 01/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam(Coalimex)	Chuyên viên
01/2006 – 07/2007	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
08/2007 – 02/2008	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Phó trưởng phòng
03/2008 – 07/2010	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Quyền trưởng phòng
08/2010 – 04/2015	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Trưởng phòng
04/2015 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Phó giám đốc Công ty

- Bà Lê Thị Thu Trang - Kế toán trưởng

1. Họ và tên: **LÊ THỊ THU TRANG**
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 24/07/1978
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 80 Tổ 13E phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
7. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế; Cử nhân ngoại ngữ
8. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty
9. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
10. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/2000 – 12/2004	Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác quốc tế (Coalimex)	Chuyên viên
01/2005 – 08/2005	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Chuyên viên
09/2005 – 06/2006	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than Việt Nam (Coalimex)	Phó trưởng phòng
07/2006 – 11/2009	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – TKV (Coalimex)	Trưởng phòng
12/2009 đến nay	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (Coalimex)	Kế toán trưởng Công ty

- Thay đổi thành viên Ban điều hành: Ngày 16/4/2015, bổ nhiệm ông Phạm Minh giữ chức danh Phó giám đốc Công ty.

- Số lượng CNVC-LĐ và chính sách đối với người lao động:

+ Tổng số lao động bình quân: 210 người.

+ Chính sách đối với người lao động:

Hàng năm, người lao động trong Công ty được Công ty tổ chức cho đi bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ, ngoại ngữ.... đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công việc;

Được công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ; cấp phát thuốc phòng bệnh; điều dưỡng tập trung, tại chỗ; tổ chức đi nghỉ mát...

Công ty luôn đảm bảo, tạo điều kiện để người lao động được tham gia, xây dựng và giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ như quy chế thực hiện dân chủ, quy chế quản lý tiền lương, quy chế Thi đua - Khen thưởng...

Thực hiện đầy đủ đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Công ty trong việc thực hiện các chế độ chính sách khác cho người lao động như chế độ nghỉ hưu, bảo hiểm, trợ cấp...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Đảm bảo khai thác tốt tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 29- 31 Đinh Bộ Lĩnh thành phố Hồ Chí Minh và 33 Tràng Thi, Hà Nội. Đến hết năm 2015, tòa nhà ở 29 -31 Đinh Bộ Lĩnh cho thuê được 67,93% diện tích sàn cho thuê, tòa nhà ở 33 Tràng Thi đã cho thuê được gần 85% tổng diện tích sàn cho thuê.

4. Tình hình tài chính

a, Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	786.375.212.752	580.175.942.216	74%
Doanh thu thuần	1.309.037.850.174	1.406.198.100.877	93%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.008.682.592	11.866.717.296	59%
Lợi nhuận khác	2.690.602.173	3.731.611.677	72%
Lợi nhuận trước thuế	22.699.284.765	15.598.328.973	69%
Lợi nhuận sau thuế	17.461.428.268	12.151.310.165	69%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	10%	50%

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2014: 48,750 tỷ đồng

- Vốn Điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2015: 110 tỷ đồng

b, Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,08	1,13	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,703	0,72	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,83	0,78	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,95	3,47	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	5,77	6,89	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,66	2,42	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,33%	0,86%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,2%	9,35%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,22%	2,09%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	1,53%	0,84%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a, Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu phổ thông: 11.000.000 cổ phiếu
- Tổng số trái phiếu đang lưu hành: Không có
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 11.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: Không có
- Cổ tức: dự kiến 10% mệnh giá.

b, Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông Nhà nước: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
 - + Tổng vốn góp: 60.953.480.000 đồng
 - + Tỷ lệ: 55,41% VDL
- Cổ đông khác (tính đến thời điểm 31/12/2015): 134 cổ đông
 - + Tổng số vốn góp: 49.046.520.000 đồng
 - + Tỷ lệ: 44,59% VDL
- Cổ đông lớn:
 - + Cổ đông tổ chức: Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
 - Địa chỉ liên lạc: Số 226 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội
 - Mã số doanh nghiệp: 5700100256
- Cổ đông nước ngoài: Không
- Cổ đông trong nước: 135
- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: Năm 2015 Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 48,275 tỷ đồng lên thành 110 tỷ đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a, Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

b, Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

6.3. Tiêu thụ nước:

a, Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b, Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a, Số lần bị xử phạt: Không

b, Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a, Số lượng lao động: 210 người; mức lương trung bình đối với người lao động 9.287.000 đồng

b, Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Hàng năm, tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ, đi nghỉ điều dưỡng để phục hồi sức khỏe. Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động. Tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát nhân dịp hè.

c, Hoạt động đào tạo người lao động:

Tổ chức cho người lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn do Tập đoàn TKV cũng như các đơn vị có liên quan tổ chức. Tạo điều kiện cho người lao động tham gia học đại học, thạc sỹ ngoài giờ hành chính.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Thường xuyên hưởng ứng các hoạt động của địa phương, tham gia ủng hộ các hoạt động từ thiện do ủy ban nhân dân phường Trần Hưng Đạo cũng như Thành phố Hà Nội phát động.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất:

Năm 2015, Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đề ra.

2. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính lành mạnh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2015: 580.175.942.216 đồng

3, Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Thực hiện tốt công tác xuất nhập khẩu than theo sự phân công và chỉ đạo của Tập đoàn Vinacomin.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh phấn đấu tăng trưởng về giá trị sản xuất năm sau cao hơn năm trước;

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực đảm bảo cả số lượng, chất lượng và mục tiêu chiến lược của Công ty.

- Giữ vững và phát huy thế mạnh trong lĩnh vực nhập khẩu phục vụ ngành công nghiệp than – khoáng sản, mở rộng hoạt động kinh doanh một cách chọn lọc với các đối tác ngoài ngành than.

- Sắp xếp và đổi mới hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động, đưa loại hình kinh doanh này trở lại ổn định, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Lợi nhuận, cổ tức tăng hàng năm;

- Xây dựng và phát triển các nhân tố mới phù hợp với quy mô, tốc độ phát triển của công ty;

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1, Về các mặt hoạt động của Công ty

Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015; Bảo toàn và phát triển vốn.

2, Về hoạt động của Ban giám đốc

- Ban giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vượt một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2015.

- Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc đã có nhiều đề xuất đúng đắn, kịp thời, sát với thực tiễn giúp Hội đồng quản trị đưa ra các định hướng và quyết định chính xác, nhanh nhạy trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Giám đốc Công ty và những người được ủy quyền đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty trong việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, không để xảy ra thiệt hại về kinh tế.

3, Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

- Nghiêm túc thực hiện đúng quy định về quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT ghi trong Điều lệ Công ty. Đảm bảo việc ban hành Nghị quyết, Quyết định kịp thời, thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công tác bảo toàn và phát triển vốn thực hiện tốt.

- Nghiên cứu phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới mà Công ty có lợi thế để bù đắp suy giảm từ hoạt động xuất khẩu than theo định hướng của Nhà nước.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a, Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Vũ Văn Hà	0	0
2	Phạm Hồng Khanh	254.125	2,31
3	Nguyễn Thanh Hải	37.040	0,34
4	Nguyễn Văn Cứ	442.724	4,02
5	Nguyễn Thanh Nga	18.410	0,17

b, Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Thực hiện chức năng quản lý và giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy giúp việc, HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của Công ty. Trong năm 2015 HĐQT có 12 cuộc họp và đã ban hành 15 Nghị quyết với các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015;

- Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2015;

- Phê duyệt chi tạm ứng cổ tức năm 2014.

- Phê duyệt chủ trương bổ sung 01 Phó giám đốc Công ty từ nguồn quy hoạch cán bộ của Công ty.

- Phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương Công ty và Cán bộ quản lý năm 2014;

- Phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương của cán bộ quản lý Công ty năm 2015;

- Thông qua kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015.

- Thống nhất chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2014.

- Phê duyệt bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc Công ty.

- Thống nhất phê duyệt bổ nhiệm cán bộ cấp trưởng các đơn vị thuộc Công ty.

- Xử lý khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

- Họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

- Phê duyệt điều chỉnh hệ số mức lương đối với Giám đốc Công ty;

- Phê duyệt chi thưởng Ban quản lý điều hành Công ty nhiệm kỳ 2010-2014;

- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương của cán bộ quản lý Công ty năm 2015;

- Phê duyệt đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2015.
- Thống nhất phê duyệt phương án xử lý số lượng cổ phần lẻ phát sinh sau khi phát hành cổ phiếu thưởng.
- Thống nhất phê duyệt bổ nhiệm lại các chức danh Trưởng đơn vị thuộc Công ty.
- Thống nhất phê duyệt nội dung Quy chế quản trị và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
- Thống nhất phê duyệt bổ nhiệm lại chức danh Trưởng đơn vị thuộc Công ty
- Thống nhất phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015
- + Một số nội dung khác.

2. Ban kiểm soát:

a, Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ%/VĐL
1	Trần Thế Thành	2.962	0,03
2	Hoàng Đức Phương	47.339	0,43
3	Bùi Thị Minh Thư	38.359	0,35

b, Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông.

- Hàng quý, căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty lập, Ban đã tổ chức kiểm tra, kiểm soát theo chức năng quy định tại Điều lệ, trong đó trong năm Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định báo cáo tài chính; kiểm soát quản lý và sử dụng tiền lương, các quỹ, công tác đầu tư xây dựng; Thông qua kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu; các chỉ tiêu: Vốn – tài sản và phân phối lợi nhuận năm 2015; Đề xuất đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2015; Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015; Chuẩn bị các báo cáo của Ban kiểm soát để phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

- HĐQT và BKS đều hoạt động kiêm nhiệm và đã hưởng lương, thưởng theo công việc chuyên môn. Ngoài ra được hưởng thêm phần phụ cấp trách nhiệm hàng tháng.

- Chi phí phụ cấp cả năm của HĐQT và BKS là: 261.363.150 đồng.

Toàn bộ chi phí trên được hạch toán vào chi phí sản xuất của Công ty.

- Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2015:

1. Ông Phạm Hồng Khanh – Ủy viên HĐQT, Giám đốc: mua 15.950 cổ phần

2. Bà Bùi Thị Minh Thư - Ủy viên BKS: mua 6.835 cổ phần.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt

Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Toàn văn Báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và của Công ty: www.coalimex.vn.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN,
- HDQT, BKS (b/c),
- Lưu: VT, TCHC, KTTC, Tký Cty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Khanh